

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2018/HC-ST**

Ngày: 26/9/2018.

V/v khiếu kiện: “Yêu cầu huỷ
Quyết định cấp giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất và huỷ giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thuý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thanh Trang;

2. Ông Trần Minh Châu.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 38/2017/TLST-HC ngày 25/10/2017 về việc khiếu kiện “Yêu cầu huỷ Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 12/2018/QĐXXST-HC ngày 20/8/2018, giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** Bà Võ Thị P, sinh năm: 1955.

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- ***Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:*** Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- ***Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn R – Chủ tịch UBND huyện B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D – Phó Chủ tịch UBND huyện B. (có đơn xin vắng mặt)

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Lê Đức T, sinh năm: 1939;

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; Địa chỉ: 44B4 khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2017, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại cũng như tại phiên tòa, người khởi kiện – bà Võ Thị P cũng như người đại diện theo uỷ quyền – ông Nguyễn Tấn Đ trình bày:

Nguồn gốc thửa 1475, tờ bản đồ số 02, diện tích 260m², tọa lạc xã L, huyện B là của ông Võ Văn Đ đứng bộ, để lại cho con Võ Huệ N trông coi, quản lý, sau đó ông Nhiêu để lại cho con là ông Võ Huệ T. Do ông Tở xa, không coi sóc được nên vào năm 1991 ông T lập tờ di chúc giao lại cho em trai là ông Võ Văn H quản lý, cũng là cha bà P. Hiện nay ông H đã chết, trên đất này đã xây hàng rào bao bọc và có 06 ngôi mộ, đây là phần đất khu mộ gia tộc họ Võ.

Ông Lê Đức T là người ở đậu trên phần đất của gia đình bà P và ở gần khu mộ gia tộc họ Võ. Năm 1993, ông T kê khai phần đất này và được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 1475, tờ bản đồ số 02 mà phía bà P không hay biết.

Năm 2014 gia đình bà P xây dựng hàng rào bao bọc quanh mộ này, khi xây dựng có yêu cầu gia đình ông T di dời những hồ chứa nước ra khỏi khu mộ và ông T đã di dời. Gia đình bà P tiếp tục quản lý phần đất mộ này.

Năm 2015, bà P biết ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần khu mộ họ Võ nên làm đơn nhờ chính quyền địa phương giải quyết.

Tại các lần hòa giải, cũng như làm việc từ xã đến huyện, phía ông T cũng thừa nhận giao khu mộ cho bà P nhưng đòi phải đo đạc chia tách nên UBND huyện ban hành thông báo số 2903/TB-UBND ngày 03/12/2015 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 1475, tờ bản đồ số 02, diện tích 260m² đã cấp cho ông T. Sau đó, ông S (con ông T) khiếu nại và UBND huyện đã ban hành Quyết định 584/QĐ-UBND ngày 08/3/2015 có nội dung bác khiếu nại ông S, giữ nguyên Thông báo số 2903/TB-UBND.

Sau đó, ông T khởi kiện vụ án hành chính. UBND huyện ban hành Quyết định 3413/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 thu hồi Thông báo 2903/TB-UBND và Quyết định 584/QĐ-UBND với lý do là nội dung thông báo thu hồi giấy không nêu rõ lý do theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

Qua các lần giải quyết cũng như quyết định giải quyết khiếu nại, UBND huyện B cũng đã thừa nhận việc ban hành Quyết định 71/QĐ-UBND ngày 10/01/2001 cho ông T là không đúng quy định.

Nay bà P yêu cầu hủy một phần Quyết định 71/QĐ-UBND ngày 10/01/2001 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1677/QSDĐ đối với thửa 1475, tờ bản đồ số 2, diện tích 260m² cho ông Lê Đức T và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1677/QSDĐ đối với thửa 1475, tờ bản đồ số 2, diện tích 260m² mà UBND huyện B đã cấp ông T đối với phần diện tích 112,5m² đất thổ mộ mà gia đình bà quản lý, sử dụng từ trước đến nay.

Theo văn bản ý kiến số 3189/UBND-NC ngày 29/11/2017, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B trình bày:

Ngày 10/01/2001, UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1677/QSDĐ theo Quyết định số 71/QĐ-UB đối với thửa đất số 1475, tờ bản đồ số 2,

diện tích 260m², tọa lạc xã L cho ông Lê Đức T. Thực tế trong phần đất này có phần đất thổ mộ của gia đình bà Võ Thị P quản lý từ trước đến nay.

Việc UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên cho ông Lê Đức T bao trùm cả phần thổ mộ do gia đình bà Võ Thị P quản lý là không đúng thực tế chủ sử dụng đất.

Vì vậy, bà P yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1475, tờ bản đồ số 2, diện tích 260m², tọa lạc xã L đã cấp cho ông T là phù hợp. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P.

Theo bản tự khai ngày 15/11/2017, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đức T trình bày:

Từ năm 1930-1945 do chiến tranh cha mẹ ông chạy giặc và di tản về ấp 8, xã L để sinh sống. Lúc này đất ở đây bỏ hoang. Cha mẹ ông đã khai hoang phần đất trống cặp mé lộ để cất nhà ở sinh sống. Cha mẹ ông sử dụng luôn phần đất còn lại phía sau nhà để trồng rau, chăn nuôi.

Sau khi cha mẹ ông chết, ông tiếp tục quản lý sử dụng phần đất này. Khi sử dụng đất thì có 02 ngôi mộ xây bằng đá. Ông sử dụng phần đất bên ngoài khuôn viên mộ. Trước đây ông không thấy ai đến tảo mộ nên hàng năm gia đình ông vẫn dọn dẹp phần mộ này. Năm 1990 ông đăng ký kê khai quyền sử dụng phía trước lộ, phần phía sau con ông T là S quản lý, sử dụng. Hộ ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 1475 diện tích 260m² là diện tích đất trồng bên ngoài không có diện tích 02 ngôi mộ này.

Ngày 03/12/2015, UBND huyện ban hành thông báo thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông. Sau khi ông khiếu nại, UBND huyện đã ra quyết định thu hồi thông báo này.

Việc UBND huyện thu hồi thông báo là đúng, nên đề nghị Tòa bác yêu cầu khởi kiện của bà P.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 116 Luật tố tụng hành chính, việc bà P khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định 71/QĐ-UBND ngày 10/01/2001 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1677/QSDĐ đối với thửa 1475, tờ bản đồ số 2, diện tích 260m² cho ông Lê Đức T và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1677/QSDĐ đối với thửa 1475, tờ bản đồ số 2, diện tích 260m² mà UBND huyện B đã cấp ông T là đã hết thời hiệu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án hành chính trên.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị khởi kiện, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về tố tụng:

Ngày 10/01/2001, UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1677/QSDĐ theo Quyết định số 71/QĐ-UB đối với thửa đất số 1475, tờ bản đồ số 2, diện tích 260m², tọa lạc xã L cho ông Lê Đức T. Thực tế trong phần đất này có phần đất thổ mộ của gia đình bà Võ Thị P quản lý từ trước đến nay.

Ngày 07/7/2015, bà Võ Thị P có đơn khiếu nại về việc UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1475, tờ bản đồ số 2, diện tích 260m², tọa lạc xã L cho ông Lê Đức T (BL86).

Ngày 03/12/2015, UBND huyện B ban hành Thông báo số 2903/TB-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T (BL 32).

Không đồng ý với thông báo trên, ông Lê Đức S là con ông Lê Đức T có đơn khiếu nại đề ngày 15/12/2015 (BL88).

Ngày 08/3/2016, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 584/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đức S.

Không đồng ý với quyết định này, ông Lê Đức T khởi kiện quyết định trên tại Tòa án nhân dân huyện B. Ngày 27/6/2016, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại thụ lý giải quyết đưa bà Võ Thị P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 29/9/2016, UBND huyện Bình Đại ban hành Quyết định số 3413/QĐ-UBND về việc thu hồi Thông báo số 2903/TB-UBND của UBND huyện Bình Đại và thu hồi Quyết định giải quyết khiếu nại số 584/QĐ-UBND ngày 08/3/2016 của Chủ tịch UBND huyện B.(BL35)

Ngày 29/9/2016, Tòa án nhân dân huyện B có Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 01/2016/QĐST-HC do ông Lê Đức T rút đơn khởi kiện (BL36).

Ngày 11/4/2017 và ngày 07/6/2017, bà Võ Thị P tiếp tục tranh chấp quyền sử dụng thửa đất trên với ông Lê Đức T và được UBND xã L, huyện B hoà giải nhưng không thành; Tổ hoà giải quyết định trả hồ sơ để bà P khởi kiện ra Tòa án (BL 37-40).

Ngày 02/10/2017, Bà Võ Thị P có đơn khởi yêu cầu hủy Quyết định 71/QĐ-UBND ngày 10/01/2001 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1677/QSDĐ đối với thửa 1475, tờ bản đồ số 2, diện tích 260m² cho ông Lê Đức T và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1677/QSDĐ đối với thửa 1475, tờ bản đồ số 2, diện tích 260m² mà UBND huyện B đã cấp ông T.

Căn cứ Khoản 1 Điều 3, các điều 30, 32 Luật tố tụng hành chính 2015, đối tượng khởi kiện là Quyết định 71/QĐ-UBND ngày 10/01/2001 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1677/QSDĐ đối với thửa 1475, tờ bản đồ số 2, diện tích 260m² cho ông Lê Đức T và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1677/QSDĐ đối với thửa 1475, tờ bản đồ số 2, diện tích 260m² mà UBND huyện B đã cấp cho ông T và Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng quy định pháp luật.

Về thời hiệu khởi kiện:

Căn cứ khoản 5 điều 116 Luật tổ tụng hành chính về việc áp dụng dẫn chiếu Bộ luật dân sự về cách tính thời hiệu và điều 153 Bộ luật dân sự về tính liên tục của thời hiệu thì thời hiệu khởi kiện của bà P được tính lại từ đầu sau khi có Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 01/2016/QĐST-HC vào ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện B có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng Hành chính, thời hiệu khởi kiện của bà Võ Thị P đối với yêu cầu hủy Quyết định 71/QĐ-UBND ngày 10/01/2001 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1677/QSDĐ đối với thửa 1475, tờ bản đồ số 2, diện tích 260m² cho ông Lê Đức T và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1677/QSDĐ đối với thửa 1475, tờ bản đồ số 2, diện tích 260m² mà UBND huyện B đã cấp ông T vẫn còn.

Ngày 07/9/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre nhận được đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt của người bị kiện - UBND huyện B. Căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng Hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt đối với người bị kiện là UBND huyện B.

[2] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính:

Thời điểm ông Lê Đức T làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất vào ngày 17/6/2000 thì trên phần đất thửa 1475, tờ bản đồ số 02, xã L đã có một số ngôi mộ của dòng tộc gia đình bà Võ Thị P từ năm 1860 nhưng khi làm giấy xác nhận nguồn gốc đất thì ông T lại kê khai đây là đất sử dụng trước năm 1975 và yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất thổ cư. Đơn đăng ký này lại được chính quyền địa phương xác nhận là đất sử dụng ổn định. Hội đồng xét duyệt đăng ký đất đai của xã L không kiểm tra tình trạng sử dụng đất ngoài thực tế trước khi xác nhận mà đề nghị Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 1475, tờ bản đồ 02, xã L cho ông T vào năm 2001 là đã làm ảnh hưởng đến quyền sử dụng và quản lý đối với khu thổ mộ của gia đình bà Võ Thị P. Do Hội đồng xét duyệt đăng ký đất đai của xã L đã không đánh giá đúng hiện trạng sử dụng thửa đất cũng như nguồn gốc đất là đã vi phạm qui định về trình tự, thủ tục xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qui định tại mục I.2.2, I.2.3 và mục I.2.4, phần 2 của Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính: Căn cứ Khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 36 Luật Đất đai 1993, UBND huyện B ban hành Quyết định 71/QĐ-UBND ngày 10/01/2001 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1677/QSDĐ đối với thửa 1475, tờ bản đồ số 2, diện tích 260m² cho ông Lê Đức T và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1677/QSDĐ đối với thửa 1475, tờ bản đồ số 2, diện tích 260m² mà UBND huyện B đã cấp cho ông T vào ngày 10/01/2001 là đúng thẩm quyền.

[4] Về nội dung quyết định hành chính:

Phần đất diện tích 260 m², thuộc thửa đất số 1475, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre có nguồn gốc của họ tộc bà Võ P. Tại biên bản hoà giải ngày 03/2/2015 tại UBND xã L, huyện B (BL 28-29) thì ông Lê Đức T cũng thừa nhận phần đất trên có nguồn gốc từ ông bà ông Võ Hoàng T (là người trong họ tộc của bà P) cho cha vợ ông T ở và sau này là gia đình ông T ở .

Tại toà, các bên đương sự cùng thống nhất trong phần diện tích 260 m², thuộc thửa đất số 1475, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre mà UBND huyện B đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Đức T vào ngày 10/01/2001 có một số ngôi mộ thuộc dòng tộc gia đình bà Võ Thị P.

Tại thời điểm ngày 10/01/2001, UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1677/QSDĐ theo Quyết định số 71/QĐ-UB đối với thửa đất số 1475, tờ bản đồ số 2, diện tích 260m², tọa lạc xã L cho ông Lê Đức T thì trên phần đất này đã và đang tồn tại một số ngôi mộ của người thân trong dòng tộc gia đình bà Võ Thị P có từ trước năm 1975 (trong đó có ngôi mộ của ông Võ Văn Đ, là ông cố bà P lập từ năm 1860).

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/01/2018 thì trên phần đất tranh chấp có hiện trạng 02 phần đất tách biệt nhau: 01 là căn nhà ông Lê Đức T đang ở và 01 là phần đất khu thổ mộ gồm 04 ngôi mộ của họ tộc trong gia đình bà P nằm ngay phía sau ngôi nhà ông T đang ở. Phần đất thổ mộ này đã được bà P xây dựng tường rào xung quanh và làm cổng rào khóa lại để quản lý.

Tại kết quả đo đạc ngày 28/6/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B thì phần đất diện tích 260 m², thuộc thửa đất số 1475, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã L, huyện B mà ông Lê Đức T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm luôn phần đất thổ mộ của gia đình bà P và theo hồ sơ địa chính hiện nay gồm 02 thửa là thửa 88 và thửa 89 tờ bản đồ số 17, xã L; phần đất khu thổ mộ nằm trong thửa đất số 88, 89-1 tờ bản đồ số 17 có diện tích là 112,5m².

Như vậy, việc UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Đức T đối với thửa đất số 1475, tờ bản đồ số 02, diện tích 260m², loại đất T, tọa lạc xã T, huyện B trong khi ông chỉ cất nhà ở trên 01 phần thửa đất này, phần còn lại là đất thổ mộ do gia đình bà P quản lý từ trước đến nay là không đúng mục đích, đối tượng và hiện trạng sử dụng đất.

Từ những phân tích trên, xét thấy việc UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1677/QSDĐ theo Quyết định số 71/QĐ-UB ngày 10/01/2001 đối với thửa đất số 1475, tờ bản đồ số 2, diện tích 260m², tọa lạc xã L cho ông Lê Đức T là không đúng về trình tự, thủ tục và nội dung do pháp luật quy định.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị P có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà P không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Chi phí thu thập chứng cứ: Bà Võ Thị P tự nguyện chịu, đã quyết toán xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Đất đai 1993;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật đất đai 1993, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật đất đai năm 1998; Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính

hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị P: Hủy một phần Quyết định 71/QĐ-UBND ngày 10/01/2001 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1677/QSDĐ đối với thửa 1475, tờ bản đồ số 2, toạ lạc xã L, huyện B, tỉnh B cho ông Lê Đức T và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1677/QSDĐ tại thửa 1475, tờ bản đồ số 2, toạ lạc xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre mà UBND huyện B đã cấp cho ông Lê Đức T vào ngày 10/01/2001 đối với phần diện tích 112,5m² thuộc thửa tạm gọi là thửa 88, 89-1, tờ bản đồ số 17, toạ lạc xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre (phần đất khu thổ mộ của gia đình bà P – có hoạ đồ kèm theo).

Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

- Bà Võ Thị P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008002 ngày 25/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Chi phí thu thập chứng cứ: Bà Võ Thị P tự nguyện chịu, đã quyết toán xong.

Về quyền kháng cáo: Người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục THADS tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng KTNV và THA (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b), Văn phòng (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Hồ Thị Thanh Thúy

